

Tư tưởng Phật giáo thời Lý - Trần trong dòng chảy lịch sử Việt Nam

ISSN: 2734-9195

14:02 16/09/2025

Những tư tưởng nhập thế, nhân đạo, những tư tưởng trong giáo lý của đạo Phật... đã từng bước thấm nhuần trong lòng con dân thời Lý - Trần nói riêng, cũng như dân tộc Việt nói chung

Tác giả: **Thích nữ Liên Phú** (Diệp Phù Thanh Thảo)

I. Đặt vấn đề

Dân tộc Việt Nam tự hào về ý chí quật cường, tinh thần bất khuất và khí chất oai hùng... của ông cha ta trong buổi đầu xây dựng, giữ gìn đất nước cho đến khi đạt được nền độc lập tự chủ. Tinh thần ấy, ý chí ấy được biểu hiện trong hơn một nghìn năm dưới ách thống trị của phong kiến phương Bắc, một trăm năm đánh đuổi giặc Tây.

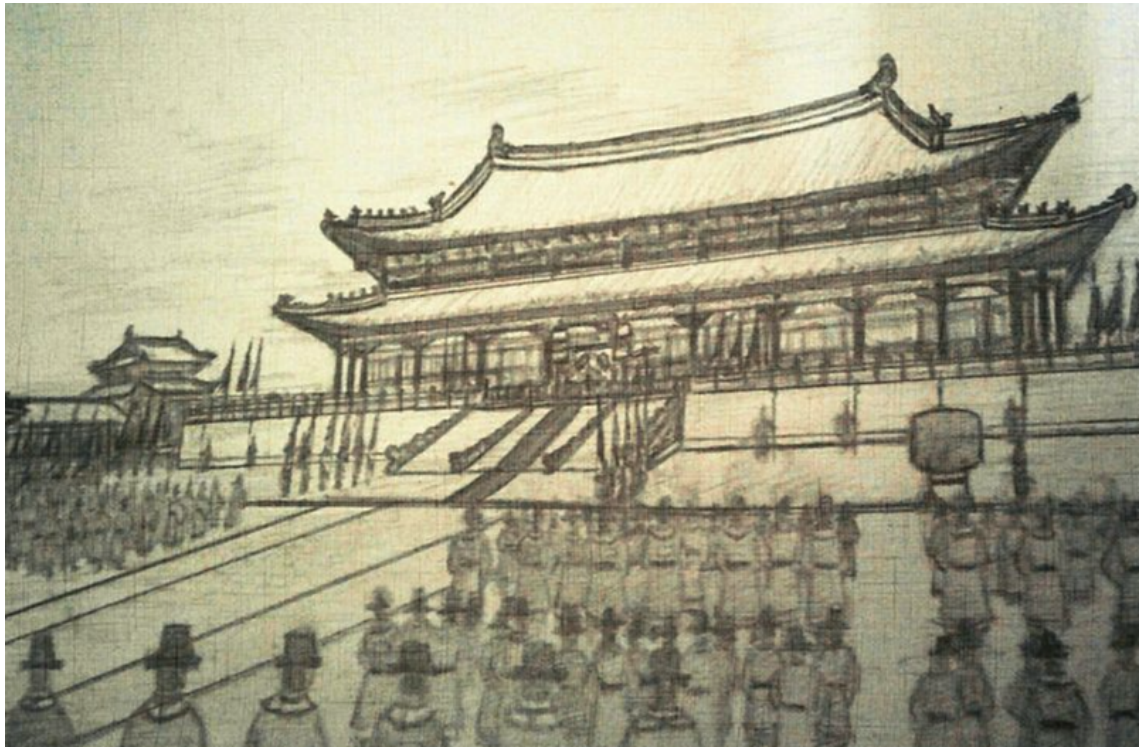
Điều này đã tạo nên bề dày lịch sử cho nước Việt, một đất nước hình chữ S với diện tích không lớn nhưng lại khiến các cường quốc phải nghiêng mình kính phục.

Trong thời gian bị đô hộ, các thế lực phương Bắc luôn muốn đồng hóa nhân dân ta. Tuy nhiên, nhân dân ta với tinh thần tự lực, tự cường đã tiếp thu có chọn lọc các nền văn hóa, tôn giáo ngoại du nhập để xây dựng baen sắc tín ngưỡng dân tộc Việt.

Phật giáo, một tôn giáo có bề dày lịch sử, đồng hành cùng dân tộc ngay buổi ban sơ cho đến thời hiện đại nay. Trong đó nổi bật nhất phải nhắc đến, thời kì Phật giáo vàng son giai đoạn Lý-Trần.

Ở giai đoạn này, Phật giáo đóng một vai trò vô cùng quan trọng. Đồng thời, những nhà tư tưởng Phật giáo thời này đã sáng lập nên những dấu ấn riêng cho Phật giáo nước nhà. Đó chính là sự ra đời của một dòng thiền do chính người Việt sáng lập - dòng thiền Trúc Lâm Yên Tử. Mặt khác, các nhà cầm quyền trong giai đoạn lịch sử này còn là những Phật tử tin sâu nhân quả, hiểu sâu giáo lý

Phật đà, rồi đem những điều tinh túy ấy áp dụng để thịnh trị quốc gia, bờ cõi. Để đi đến đâu con dân cũng sống trong bình an, đất nước luôn được thịnh trị.



Hình ảnh minh họa (suy tầm)

II. Nội dung

1. Phật giáo Việt Nam thời Lý Trần

1.1. Lịch sử Việt Nam thời Lý

Nhà Lý (chữ Nôm: 𠩺𠩺, chữ Hán: 李, Hán Việt: Lý triều), triều đại này bắt đầu khi Lý Công Uẩn lên ngôi vào tháng 10 âm lịch năm 1009 sau khi giành được quyền lực từ tay nhà Tiền Lê. Nhà Lý trải qua 9 vị hoàng đế và chấm dứt khi Lý Chiêu Hoàng, lúc đó mới có 7 tuổi thoái vị để nhường ngôi cho chồng là Trần Cảnh vào năm 1225. Trong thời đại này, lần đầu tiên nhà Lý đã giữ vững được chính quyền một cách lâu dài đến hơn 200 năm, khác với các vương triều cũ trước đó chỉ tồn tại hơn vài chục năm.

Về thể chế chính trị, năm 1010 Lý Công Uẩn dời đô từ Hoa Lư (Ninh Bình) ra Đại La rồi đặt tên là Thăng Long (𨍄𨍄) và thủ đô của nước ta đã tồn tại ở đây 1000 năm cho đến ngày nay. Theo sách Đại Việt sử ký toàn thư: “*Tháng 7 (năm 1010) của Lý Công Uẩn dời đô từ Hoa Lư ra thành Đại La, đổi tên gọi là thành Thăng Long. Đổi châu Cổ Pháp gọi là phủ Thiên Đức, thành Hoa Lư gọi là phủ Trường Yên*” [3, tr.101]. Tháng 10 năm 1054 sau khi Lý Thánh Tông lên ngôi đã đổi quốc hiệu từ Đại Cồ Việt (𨍄𨍄𨍄𨍄) thành Đại Việt (𨍄𨍄), mở ra kỷ nguyên Đại

Việt rục rở nhất trong lịch sử Việt Nam. Theo sách lịch sử Phật giáo Việt Nam dưới thời Lý: *“Triều đình mở mang phát triển kinh tế, thi hành chính sách “ngụ binh ư nông”, củng cố quân đội, soạn bộ Hình thư nhằm củng cố vương quyền, cấm ăn trộm súc vật nuôi, cấm quan lại sách nhiễu nhân dân.”* [3, tr.103]

Năm 1069, Lý Thánh Tông đánh thắng Chiêm Thành, bắt được vua Chiêm là Chế Củ. Cuối cùng Chế Củ phải chịu hàng, dâng ba châu để được tha về nước.

Năm 1075-1077 nhà Tống Trung Quốc đã tập trung quân với ý đồ xâm lược nước ta. Lý Thường Kiệt và Tôn Đản đã đem quân đến tận sào huyệt của giặc và đánh ta ý đồ xâm lăng này.

Về kinh tế-xã hội, nông nghiệp tiếp tục phát triển nhờ chính sách khuyến nông và chăm sóc các công trình thủy lợi. Công thương nghiệp thịnh vượng qua việc mở mang đường sá, cầu cống, chợ búa; nghề dệt gấm vóc được truyền bá rộng rãi, nghề khắc ván in kinh đã hình thành. Triều đình quan tâm đến việc buôn bán với nước ngoài; cảng Vân Đồn ở Quảng Ninh được mở năm 1149 dưới thời Lý Anh Tông. Sự phát triển của xã hội thời nhà Lý cho phép duy trì một nền quốc phòng mạnh mẽ đủ để giữ vững độc lập và mở mang bờ cõi.

Về tôn giáo, Phật giáo phát triển, các vị vua đều theo Phật. Tạo được một giai đoạn dài thịnh trị nên nhân dân ta được sống trong cảnh thanh bình, no ấm.

Mặc dù, các vị Hoàng đế đều sùng bái Phật giáo nhưng ảnh hưởng của Nho giáo cũng rất cao với việc mở các trường đại học đầu tiên là Văn miếu (1070) và Quốc Tử giám (1076) và tổ chức các khoa thi để chọn người hiền tài không có nguồn gốc xuất thân là quý tộc ra giúp nước. Khoa thi đầu tiên được mở vào năm 1075, và Trạng nguyên đầu tiên là Lê Văn Thịnh.

Năm 1225 nhà Lý đã chuyển giao quyền cai trị đất nước cho nhà Trần, từ Vua Lý Chiêu Hoàng sang cho Vua Trần Cảnh là một sự chuyển giao quyền lực rất đẹp, hợp thời, hợp thế.

Sự chuyển giao quyền lực này đã không để cho ngoại bang có cơ hội xâm lược Đại Việt khi triều đại nhà Lý đã suy tàn, không để xảy ra nội chiến tranh giành quyền lực, cho nên nhân dân đỡ khổ cực lầm than.

1.2. Lịch sử Việt Nam thời Trần

Có thể nói việc chuyển giao nhà Lý sang nhà Trần là một cuộc chuyển giao quyền lực nhẹ nhàng nhất trong lịch sử phong kiến nước ta. Bởi nhà Lý đã suy yếu, không thể tiếp tục sứ mệnh lãnh đạo đất nước của mình. Sau khi vua Cao Tông mất (1176-1210), Lý Huệ Tông lên ngôi, nhưng vì bệnh nặng nên nhường

ngôi cho con gái là Lý Chiêu Hoàng khi ấy mới 7 tuổi. Dưới sự dàn xếp của Trần Thủ Độ, Lý Chiêu Hoàng kết hôn với Trần Cảnh dẫn đến một cuộc chuyển giao quyền lực diễn ra êm thấm.

Năm 1225, Trần Cảnh lên ngôi mở đầu cho vương triều nhà Trần. Nhà sử học Lê Văn Lan cho rằng Trần Thái Tông – vị vua đầu triều nhà Trần chính là người đã đặt nền móng cho một triều đại lừng lẫy trong lịch sử. Nhà Trần tồn tại 175 năm (1226-1400), truyền được 12 đời vua, vẫn lấy tên nước là Đại Việt và kinh đô là Thăng Long.

Ngay từ khi lên ngôi, mở ra triều đại nhà Trần, vua Trần Thái Tông đã nhanh chóng khắc phục những hậu quả do khủng hoảng cuối nhà Lý gây ra, đặc biệt ông khuyến khích nông dân khai hoang, chăm lo việc trị thủy, theo đuổi chính sách khoan thư sức dân. Những chính sách này đã thúc đẩy kinh tế nông nghiệp phát triển, đời sống nhân dân ấm no.

Có thể nói, sự ra đời của nhà Trần thực sự là một bước ngoặt lớn của nước Đại Việt thời phong kiến. Nhà Trần cũng chính là triều đại đã làm nên hào khí dân tộc – Vua tôi đồng lòng, anh em hòa thuận, cả nước chung sức xây dựng nên một triều đại lẫy lừng trong lịch sử dân tộc. Cũng có lúc lâm vào thế “*ngàn cân treo sợi tóc*”, tưởng như đất nước bị giày xéo dưới vó ngựa quân Nguyên Mông, thế nhưng nhờ sự sáng suốt của vị vua đầu triều và sự quả cảm của quần thần mà vận nước vẫn vững vàng sau ba lần đánh thắng xâm lăng.

Nhà Trần chú trọng phát triển kinh tế, đưa ra nhiều biện pháp khuyến khích nông nghiệp, xây dựng, bảo vệ hệ thống đê điều, mở rộng diện tích canh tác. Năm 1248, vua Trần Thái Tông truyền đắp đê hai bên bờ sông Hồng và đích thân kiểm tra. Nhà Trần cũng chú trọng phát triển ngành tiểu thủ công nghiệp, thương mại với các nước trong khu vực.

Thời Trần, văn hoá, giáo dục được mở mang hơn triều Lý. Vua Trần Thái Tông đã mở khoa thi Tam giáo sau nhiều năm bị gián đoạn và soạn bộ Quốc triều Hình luật quy định tội danh. Ngoài Quốc Tử Giám, nhà Trần cho lập thêm Quốc học viện để giảng Tứ thư, Ngũ kinh, tại các lộ đều mở trường dạy cho con em nhân dân. Năm 1247, định lệ thi Tam khôi để lấy Trạng nguyên, Bảng nhãn và Thám hoa. Trong 175 năm cai quản đất nước (1225-1400), nhà Trần đã mở 14 khoa thi với 10 khoa chính thức và 4 khoa phụ. Điều này cho thấy vương triều Trần rất chú trọng việc giáo dục thông qua khoa cử để tuyển chọn quan lại.

Vị vua thứ hai của triều đại nhà Trần là Trần Thánh Tông- vị vua nhân từ, trung hậu. Đối nội vua dốc lòng xây dựng đất nước thái bình thịnh trị. Vua quan tâm đến việc giáo hoá dân, khuyến khích việc học hành, mở những khoa thi chọn

người tài và trọng dụng họ. Do vậy, dưới triều vua Thánh Tông không chỉ có các ông hoàng hay chữ mà còn có những trạng nguyên tài giỏi như Mạc Đĩnh Chi. Bộ Đại Việt Sử ký, bộ quốc sử đầu tiên của nước ta, được Lê Văn Hưu hoàn thành vào năm Nhâm Thân (1272). Vua còn quan tâm đến dân nghèo bằng việc ra lệnh cho các vương hầu, phò mã chiêu tập những người nghèo đói lưu lạc để khai khẩn ruộng hoang, lập trang hộ, trang điền, nơi nơi dân chúng yên ổn làm ăn.

Tiếp theo, Trần Nhân Tông là vị vua anh minh, quyết đoán, được sử sách ngợi ca là vị anh hùng cứu nước. Thời gian Trần Nhân Tông trị vì, nước Đại Việt đã trải qua những thử thách ghê gớm. Ngay sau khi Trần Nhân Tông lên ngôi, nhà Nguyên liền sai Lê bộ Thượng thư sang sứ Đại Việt. Sài Thung đến kinh thành, lên mặt kiêu ngạo, cưỡi ngựa đi thẳng vào cửa Dương Minh, rồi cho người đưa thư trách vua Trần Nhân Tông tự lập ngôi vua và đòi phải sang chầu thiên triều.

Sau 14 năm làm vua, Nhân Tông nhường ngôi cho con là Anh Tông rồi làm Thái thượng hoàng và đi tu, trở thành thủy tổ phái Thiền Trúc Lâm, Yên Tử, một phái Thiền để lại dấu ấn đặc sắc trong lịch sử tư tưởng Việt Nam. *“Nhân Tông thật sự là một triết gia lớn của Phật thể hiện được đủ trí tuệ, bản lĩnh Việt Nam. Tư tưởng triết học của Trần Nhân Tông là tinh thần thực tiễn, chiến đấu và táo bạo. Anh hùng cứu nước, triết nhân, thi sĩ là phẩm chất kết hợp hài hòa trong con người Nhân Tông.”*

Sau thời vua Trần Nhân Tông đến các đời vua Anh Tông và Minh Tông cũng nối gót các vua cha. Nhưng từ thời vua Trần Dụ Tông trở đi là thời kì suy tàn của nhà Trần, các vua đam mê tửu sắc, không coi trọng việc triều chính và bị các nịnh thần xúi dục dẫn đến đất nước ngày một tiêu vong.

2. Lịch sử tư tưởng Phật giáo Việt Nam thời Lý-Trần

2.1. Tư tưởng nhập thế của Phật giáo đối với dân tộc

Phật giáo Việt Nam với tư tưởng nhập thế tích cực, vận dụng giáo lý dung thông đã tạo được chỗ đứng trong lòng dân tộc, đặc biệt thời đại Lý - Trần, Phật giáo đã trở thành Quốc giáo, vai trò của Phật giáo tham gia trên tất cả các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, quân sự... sâu sắc nhất vẫn là vấn đề chính trị, vì chính trị là cốt lõi của mọi vấn đề khác.

Trong sách Lịch sử tư tưởng Việt Nam viết rằng: *“Thời kì Lý- Trần, địa vị của Phật giáo càng được nâng cao. Các vị sư như Vạn Hạnh, Đa Bảo, Viên Thông đều tham gia chính sự. Nhà vua rất coi trọng các vị cao tăng. Nhiều vị cao tăng xuất thân từ tầng lớp quý tộc, quan liêu như các vị sư Viên Chiếu, Quảng Trí, Trí*

Bảo. Ngay một số vua thời Lý - Trần cũng đi tu như vua Lý Thái Tông Lý Thánh Tông, Lý Anh Tông, Lý Cao Tông, Trần Nhân Tông...” [2, tr.173]

Như vậy các nhà sư thời Lý- Trần không chỉ là người truyền giáo mà nhập thế vì khi đất nước gặp gian nguy thì thiền sư cũng phải khoác áo bào ra chiến quốc. Nhưng ở đây các thiền sư đóng góp cho đất nước thông qua những cố vấn của mình cùng với vua chống giặc, trị nước, an dân. Đồng thời trên tinh thần từ bi quý Ngài truyền trao giáo lý nhà Phật cho các vị vua nhằm hướng đến cách trị dân trên tinh thần thân dân, Quốc sư Viên Chứng đã dạy Trần Thái Tông: “Phàm làm Vua phải lấy ý muốn của nhân dân làm ý muốn của mình.”

Đồng thời, tinh thần nhập thế trong chính sự được biểu hiện đúng lúc, đúng thời. Bởi lẽ khi đất nước đã bình ổn thì các nhà sư lui về tìm kiếm sự bình an nơi tự thân. Có thể nói đó là tinh thần hòa nhập nhưng không bị hòa tan đối với người truyền giáo. Nó được biểu hiện: *“Từ nhà Lý trở về trước, nhà sư có vị trí trong triều đình và được nhà nước sử dụng vào các công việc hành chính và ngoại giao. Thời Trần, mặc dù có một vài ông vua tin theo Phật giáo hoặc chính thức xuất gia như vua Trần Thái Tông, Trần Nhân Tông, nhưng khi đã cắt tóc đi tu thì cương vị của nhà sư là ở chùa.” [2, tr.175]*

Trong thời đại Lý - Trần, các Thiền sư đã hoà cùng bước thăng trầm vinh nhục của dân tộc, đất nước. Sự đóng góp của các Ngài dưới các triều đại đã thể hiện rõ nét truyền thống yêu nước của Phật giáo Việt Nam. Điển hình như Thiền sư Vạn Hạnh, người có công đầu trong việc thành lập vương triều Lý, xây dựng đất nước Đại Việt hùng mạnh. Chúng ta có thể nhận thấy điều đó qua lời khẳng định của vua Lý Nhân Tông:

*“Vạn Hạnh thông ba cõi
Lời Ông nghiêm sấm thi
Quê hương làng Cổ Pháp
Chống gậy trấn kinh kỳ”.*

Hình ảnh vị Thiền sư dùng gậy Thiền để bảo vệ non sông đất nước thực là dung dị. Thời đại Lý - Trần không ít những Thiền sư đã tham gia *“trấn giữ”* và xây dựng đất nước như thế. Các Ngài luôn tạo ra một khuynh hướng sống cho mình, làm cơ sở cho thực hành sống cho người. Hành trang của các Thiền sư là trí tuệ, từ bi và bình đẳng. Các Ngài mang hành trang của mình đi khắp mọi nẻo đường đất nước với tinh thần hoà quang đồng trần với một mục đích duy nhất là đưa con người đến cuộc sống an lạc hạnh phúc.

Với tư tưởng nhập thế tích cực *“Phật pháp tại thế gian, bất ly thế gian pháp”* (Phật pháp ở tại thế gian, không xa rời thế gian). Đạo không tách rời đời và đời

cũng không thiếu vắng đạo, cả hai đã trở thành một hợp thể linh động, sáng tạo và diệu dụng trong mọi hoàn cảnh. Đạo và đời cả hai dung hợp, thể nhập linh động sáng tạo và diệu dụng trong mọi hoàn cảnh.

Sách khái lược lịch sử tư tưởng triết học Việt Nam đã nhận định về Trần Nhân Tông như sau: *“Với tư cách là người đứng đầu triều đình, ông hiểu rõ sự gian khổ và quật cường của nhân dân mình, đồng thời thấy rõ và thực hiện được trách nhiệm của người làm vua. Ý thức về trách nhiệm này không dễ gì mất đi khi ông đi tu. Chỉ có khác là ở hoàn cảnh biểu hiện mà thôi. Trong giai đoạn làm vua thì biểu hiện đó là trách nhiệm của con người trần thế, trong giai đoạn đi tu thì đó là trách nhiệm của con người tu hành còn mang nặng việc đời.”* [1, tr.95]

Có thể nói các vị quân vương và các vị Thiền sư thời Trần đã sử dụng đúng tiềm năng của đạo Phật, khiến cho Phật giáo trở thành một tư tưởng triết lý hùng mạnh, có công năng uy lực xây dựng và phát triển đạo pháp, cũng như bảo vệ và mở mang đất nước dưới triều đại nhà Trần. Các vị vua thời nhà Trần đều thông tỏ đạo lý như: Trần Thái Tông, Trần Thánh Tông và đặc biệt là Trần Nhân Tông, ông mang phong thái của vị Phật Đại Việt.

Như trên đã nói mọi hành vi, mọi ứng xử trong xã hội với mục đích là đem lại cuộc sống an lạc cho muôn dân. Điều đó đã thể hiện qua tinh thần nhập thế tích cực của các nhà Sư và chính tinh thần đó đã thể hiện được cái đẹp Phật giáo qua những tác phẩm văn thơ Lý - Trần.

Có thể nói rằng các vị vua, các thiền sư thời Lý - Trần đã sử dụng đúng tiềm năng của đạo Phật, khiến Phật giáo trở thành một thế lực hùng mạnh yểm trợ cho công cuộc bảo vệ và xây dựng đất nước của triều đình. Vì vậy, bất cứ người Việt nào, khi đọc lại những trang sử nước nhà, không ai không tự hào về đất nước mình – đất nước đã sản sinh ra những vị Thiền sư, hy sinh lợi ích cá nhân, hòa nhập vào lợi ích chung của đất nước, sẵn sàng xả thân khi đất nước lâm nguy. Và khi xong việc, các Ngài thông dong tự tại quay gót trở về với núi rừng sơn thủy, chọn am tranh làm chốn tu hành. Song, ở nơi đây, những con người ấy không chỉ chuyên lo tu Thiền mà lại một lần nữa các vị đã đóng góp rất nhiều cho nền văn học Việt Nam, với những áng thơ Thiền bất hủ.

a. Tư tưởng Phật giáo trên tinh thần nhân đạo

Khi đất nước lâm nguy, Phật giáo đã phát huy sức mạnh trí tuệ và tập hợp sức mạnh tinh thần đoàn kết nhân tâm: *“Ông Bụt từ bi, Phật bà cứu khổ”*, hệ giáo lý sống động thực tiễn đi vào đời sống, đạo đời gắn bó đã làm nên sức mạnh vô song để đánh thắng mọi kẻ thù xâm lược. Đạo Phật đã hòa mình vào dòng sống dân tộc, tạo ra sức mạnh tinh thần, đưa đất nước đến nhiều thắng lợi, nâng thời

đại mình ngang tầm với lịch sử. Điều quan trọng là không những chiến thắng đối phương mà còn tự chiến thắng chính mình.

Đời Trần là một trong những điểm son nổi bật nhất trong suốt quá trình giữ nước trong lịch sử Đại Việt. Trong đó, Phật giáo đã tích cực góp phần tạo dựng cho xã hội đời Trần thành tựu rực rỡ. Một xã hội được giáo dục bằng giáo lý Ngũ giới và Thập thiện, mà các vua Lý-Trần xem đó là khuôn mẫu, là một chuẩn mực sống cho toàn dân. Điều này đã được chứng minh rất rõ ràng qua phần lịch sử. Phật giáo đời Lý-Trần đã góp phần xây dựng cải tạo gia đình và xã hội, đem lại an vui, hạnh phúc cho mọi người, hướng đến đời sống chân, thiện, mỹ. Vì cá nhân có an vui, gia đình, xã hội mới bình an, mà các vua đã thể nghiệm và rất thành công.

Giáo lý Ngũ giới hay Thập thiện chẳng phải là vấn đề xa xôi, một giáo điều nghiêm ngặt, hay những điều mang tính thần thánh cao siêu mà nó rất thiết thực, rất gần gũi con người, không chỉ ở quá khứ, hiện tại hay tương lai, mà chừng nào con người còn những nỗi thống khổ, bức bách trong đời sống, thì khi đó nó vẫn còn có giá trị. Từ đó chúng ta mới thấy rõ giá trị và lợi ích thiết thực của Ngũ giới hay Thập thiện đối với cuộc sống, thấy rõ tài đức của các vị vua, giáo dục người dân sống hạnh phúc, xã hội được hài hòa, ổn định.

Thực tiễn đã chứng minh khẳng định có tư tưởng chủ đạo của đạo Phật, mà các vị vua thời Lý-Trần là những Phật tử thuần thành, là những thiền sư, đã trị nước với tâm vô ngã, vị tha của đạo Phật. Nhờ vậy đã hội tụ được những tướng sĩ tài ba thao lược, dân và quân một lòng yêu nước thương nhà, đồng tâm đoàn kết. Tinh thần từ bi đoàn kết của đạo Phật kết hợp với tinh thần nồng nàn yêu nước của dân tộc Việt Nam rõ ràng không chỉ làm nên một bản lĩnh ý chí chiến đấu mà còn là nền tảng của chính sách ngoại giao mềm dẻo, đức độ, cao thượng tạo nên sức mạnh tổng hợp của dân tộc. Phật giáo với tư tưởng truyền thống ái quốc bấy giờ là những vị vua đã biết lấy lòng dân làm lòng mình, lấy ý muốn của dân làm ý muốn của mình. Những ông vua ấy đã học, hiểu và thi hành giáo lý uyên bác của đạo Phật, để trở thành những đấng minh quân. Những ông vua Phật ấy đã điều khiển được sức mạnh tinh thần kỳ diệu tạo nên chiến công vẻ vang.

Tư tưởng nhân đạo được các vua thể hiện cho chính con dân của mình, Lý Thánh Tông vào một năm trời rét lắm, bảo với các quan hầu cận rằng: *“Trẫm ở trong cung ăn mặc như thế này mà vẫn còn rét lắm, nghĩ những tù phải giam trong ngục phải trói buộc, cơm không đủ ăn, áo không đủ mặc, vả lại có người xét hỏi chưa xong, gian ngay chưa rõ, lỡ rét quá mà chết thì thật là thương lắm*Nói rồi Ngài truyền lấy chăn chiếu cho tù nhân nằm và cho ăn ngày hai buổi

đầy đủ.”[4, tr.140].

Tư tưởng nhân đạo còn được biểu hiện qua cách an dân của các nhà lãnh đạo đất nước đương thời. Điều đó được thể hiện đối với người dân nghèo, triều đình cũng có những chính sách để giảm bớt khó khăn: phát chẩn; chế thuốc phát cho người bệnh; miễn thuế hoặc giảm thuế khi mất mùa, sau khi đánh trận và cả khi được mùa; giảm tội cho tù nhân cải tạo tốt. Đây đúng là một cung cách ứng xử của một đấng minh quân đã thấm nhuần triết lý từ bi, hỷ xả của Phật giáo.

Lại một hôm Thánh Tông ra ngự ở điện Thiện Khánh xét án, lúc đó có Động Thiên công chúa đứng hầu một bên. Ngài chỉ công chúa mà bảo với các quan rằng *“Lòng trăm yêu dân như yêu con trăm vậy, hiềm vì trăm họ ngu dại mà làm càn phải tội, trăm lấy làm thương lắm, vậy từ nay về sau tội gì cũng giảm nhẹ bớt đi”* (Trích Việt Nam Phật giáo sử lược – Thích Mật Thể).

2.3. Tư tưởng giáo lý Phật giáo thấm nhuần trong con người Việt

Đạo Phật, là tôn giáo tồn tại trên đất nước ta đã lâu, in dấu ấn khá sâu sắc vào văn hóa dân tộc, phong tục tập quán và đức tính con người. Tông phái Phật giáo có ảnh hưởng sâu rộng nhất trong nhân dân ta là Tịnh độ tông, kế đó là Thiền tông.

Tịnh độ tông đem lại tư tưởng vị tha, từ bi, cứu khổ cứu nạn, tinh thần bình đẳng, chất phác, lòng thương yêu người như thương thân mình, một tình thương bao la, tình thương đồng loại và tình thương mọi sinh vật. Thiền tông thì sâu về tư tưởng, được nhiều vua Lý- Trần ủng hộ.

Mặt khác, các vua quan thời này còn là những người thâm tín Phật giáo: *“Các vua Lý Thánh Tông, Lý Anh Tông và Lý Cao Tông đều là môn đồ của thiền phái Thảo Đường, nhiều vương công quý tộc và các quan lại trong triều cũng theo đạo Phật, thường xuyên tham gia Phật sự, hành hương đến các ngôi chùa, tham vấn các vị cao tăng về Phật pháp. Hoàng thái hậu Linh Nhân thường xuyên triệu mời các danh tăng đến bàn luận về đạo Phật”* [3, tr.108]. Điều này chứng tỏ rằng, vua quan thời này có thể đã hiểu sâu về giáo lý đạo Phật từ đó mới có thể tham vấn các vị cao Tăng thời bấy giờ.

Đồng thời, Phật giáo còn đi sâu vào văn hóa quần chúng nhân dân với tinh thần vô ngã, vị tha, chất phác, bình đẳng, yêu thương, từ bi cứu khổ, cứu nạn, tình thương đồng loại. Đây là sức sống bền bỉ của Phật giáo cho đến hôm nay.

Bài kệ nổi tiếng của thiền sư Vạn Hạnh, bài kệ giúp chúng ta hiểu được tất cả hiện hữu trong cuộc đời đều vô thường:

*"Thân như điện ảnh hữu hoàn vô,
Vạn mộc xuân vinh, thu hựu khô.
Nhậm vận thịnh suy vô bố úy,
Thịnh suy như lộ thảo đầu phô".*

Dịch nghĩa

*"Người đời như bóng chớp, có rồi lại không,
Như cây cối, mùa xuân tốt tươi, mùa thu khô héo.
Mặc cho vận đời dù thịnh hay suy, đừng sợ hãi,
Vì sự thịnh suy [cũng mong manh] như giọt sương đầu ngọn cỏ".*

Giáo lý này được Trần Thái Tông quan niệm thông qua tác phẩm Khóa hư lục; ông quan niệm, thân xác con người là một cái gì đó giả tạm và nằm trong vòng sinh tử luân hồi, con người bị chi phối bởi vô thường.

Các giáo lý về nhân quả nghiệp báo, bố thí cúng dường, tứ đế, tam học, lục độ, các pháp trên cuộc đời vốn giả tạm nó được tồn tại bởi duyên sinh, vô ngã...trong Lục độ tập kinh, đó là những bài pháp được các nhà truyền giáo thời bấy giờ truyền trao cho các Phật tử đương thời. Đặc biệt đối với các nhà lãnh đạo đất nước đã thâm nhập giáo lý nhà Phật qua chính sách an dân trị nước nên các vua Lý - Trần đã chinh phục trái tim, khối óc con người bằng đức trị thay pháp trị. Đạo đức vô ngã đã tạo cho con người một cuộc sống hòa hợp, giản dị nhưng tạo lực tác động mạnh mẽ vô cùng.

III. Kết luận

Trong lịch sử **thời Lý-Trần** có thể thấy được những đóng góp quan trọng mà Phật giáo đã đem lại. Những tư tưởng nhập thế, nhân đạo, những tư tưởng trong giáo lý của đạo Phật... đã từng bước thấm nhuần trong lòng con dân thời Lý-Trần nói riêng, cũng như dân tộc Việt nói chung. Chính nhờ những tư tưởng ấy đã tạo nên những trang sử hào hùng trong giai đoạn lịch sử vàng son của dân tộc.

Ở đó tuy có nhiều vị vua tu thiền hoặc say mê học Phật, nhưng họ luôn phân biệt rõ ràng giữa vị thế của một ông vua hay một vị Phật. Khi làm vua, làm tướng thì hết mình vì dân vì nước, dù có phải vi phạm giới luật sát sinh của nhà Phật, nhưng khi thấy vai trò của mình đã hết lại sẵn sàng *"từ bỏ ngai vàng"* để chuyên tâm tu thiền. Điều này được thể hiện rõ nét trong hành trạng của các vị vua - Phật Lý Thái Tổ, Trần Thái Tông, Tuệ Trung Thượng Sĩ, Trần Nhân Tông...

Như nhận định của tác giả Minh Chi: “*Đặc sắc của đạo Phật thời Lý - Trần là nó cung cấp một triết lí sống, chứ không phải là những tín điều và giáo điều chết. Các phật tử Lý - Trần đã quán triệt, đã thực hiện triết lí đó bằng cả cuộc sống của chính mình, bằng sự nghiệp của chính mình, bằng tư tưởng, lời nói và hành động hằng ngày của chính mình. Đạo Phật thời Lý - Trần không bó hẹp trong chùa chiền, tu viện, càng không phải là sở hữu riêng của giới tăng ni, mà là của tất cả mọi người biết lấy nó làm lẽ sống*” [5, tr.414].

Tài liệu tham khảo:

- [1]. Nguyễn Tài Đông (2016), Khái lược lịch sử tư tưởng triết học Việt Nam, Nxb Đại học sư phạm, Hà Nội.
- [2]. Nguyễn Tài Thư (2019), Lịch sử tư tưởng Việt Nam, t.1, Nxb Đại học sư phạm, Hà Nội.
- [3]. Thích Phước Đạt và nhiều tác giả, Lịch sử Phật giáo Việt Nam (2022), Nxb Đại học quốc gia, Hà Nội.
- [4]. Thích Mật Thể (1942), Việt Nam Phật giáo sử lược, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
- [5]. Viện triết học (2021), Lịch sử tư tưởng Việt Nam và Phật giáo trong lịch sử tư tưởng Việt Nam, Nxb Đại học sư phạm, Hà Nội.
- [6]. Ban Giáo dục Tăng Ni Trung ương (2012), Hội thảo khoa học: Giáo dục Phật giáo - Định hướng & phát triển, Phật giáo với văn hóa Việt Nam, Lưu hành nội bộ.

Tác giả: **Thích nữ Liên Phú** (Diệp Phù Thanh Thảo)